

CÔNG BẰNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Minh Trí¹

TÓM TẮT

Phát huy những tiềm năng và lợi thế của mình, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) đang hướng đến việc trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ của khu vực Đông Nam Á. Để đáp ứng yêu cầu đó, thì việc thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM hiện nay là động lực thúc đẩy phát triển bền vững, bởi nó không chỉ góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội mà còn giải quyết việc làm cho người lao động hướng đến một thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh hiện đại, nghĩa tình. Bài viết đề cập nhận thức mới về thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM trong những năm qua và đưa ra một số giải pháp phát huy hơn nữa trong việc thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM trong thời gian tới

ABSTRACT

Promoting its potentials and advantages, Ho Chi Minh City (HCMC) is aiming to become the regional center of industry, service, education - training, science and technology of Southeast Asia. To meet that requirement, the implementation of social justice for economic sectors in HCMC is a driving force for sustainable development, because it contributes to the creation of material wealth and settles jobs for workers towards a city with good quality, modern civilization, love. In the framework of the article, the author presents views on social justice implementation for economic sectors; real situation of social justice for economic sectors in HCMC in the past years; thereby giving some solutions to further promote social justice for economic sectors in HCMC in the coming time.

Title: Social justice for economic sectors in Ho Chi Minh City - the theoretical and the reality

Từ khóa: Công bằng xã hội, thành phần kinh tế; TP. HCM

Keywords: Social justice, economic sectors, HCMC.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 29/5/2019;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 15/7/2019;

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/7/2019.

Tác giả:

¹ Trường ĐH Công nghệ TP.HCM

Email:

gv_nguyenminhtri@yahoo.com.vn

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, việc thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở Việt Nam cũng như ở TP.HCM đã huy động mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế, yếu tố đảm bảo

để mọi người dân phát huy khả năng năng động, sáng tạo phục vụ kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, TP.HCM đang đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế.

TP. HCM là trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đang chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, của cuộc CMCN 4.0 đến tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, việc khái quát lý luận chung về thực hiện công bằng đối với các thành phần kinh tế, phân tích kết quả thực hiện công bằng đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM; từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm pháp huy hơn nữa trong việc thực hiện công bằng đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM trong điều kiện mới.

2. Nội dung

2.1. Lý luận chung về thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế

Hiện nay, đề cập đến thuật ngữ “thành phần kinh tế” cũng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, bởi lẽ chưa có tiêu chí xác định các thành phần kinh tế, song có thể hiểu: “Thành phần kinh tế là những cấu thành của hệ thống kinh tế, có quan hệ biện chứng lẫn nhau, có xu hướng vận động và có những điều kiện tồn tại, có những yếu tố tác động xác định; mối quan hệ và cơ cấu của chúng trong một hệ thống kinh tế nói chung có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội” (Nguyễn Thị Lan Hương, 2016, tr.18).

Còn nói đến công bằng xã hội là đề cập sự ngang bằng giữa người với người về một phương diện nhất định, thường giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và hưởng thụ. Công bằng xã hội là phạm trù có tính lịch sử, nó phản ánh bản chất của chế độ, năng lực và tính hiệu quả của thể chế chính trị.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong chủ nghĩa cộng sản, công bằng xã hội phải hướng tới giải quyết tốt nhu cầu căn bản của con người, không ngừng khuyến khích con người vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ của cá nhân và xã hội. Để đạt được mục tiêu này, nguyên tắc phân phối công bằng trong chủ nghĩa xã hội đóng vai trò quyết định, đó là nguyên tắc lao động ngang nhau thì được hưởng ngang nhau. Trong xã hội chủ nghĩa, tức xã hội vừa lọt lòng ra từ xã hội tư bản chủ nghĩa, thì về thể chất và tinh thần, năng khiếu và năng lực lao động người này hơn người khác; ngoài ra, người này lập gia đình rồi, người kia chưa; người này có nhiều con hơn người kia... “Như vậy, một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham gia như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia” (C.Mác & Ph.Ăngghen, toàn tập, tập 19, 1995, tr.35).

Từ những quan điểm trên, có thể nói hoạt động của con người là hoạt động có ý thức nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình. Để thỏa mãn nhu cầu, buộc mọi người phải tham gia vào các mối quan hệ lợi ích. Vì vậy, việc phân chia lợi ích đều phải tuân theo nguyên tắc khách quan, phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Cơ sở của việc phân chia lợi ích chính là sự công bằng, bình đẳng giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa quyền lợi và nghĩa vụ... Việc phân chia này đảm bảo sự hài hòa, hợp lý giữa các chủ thể kinh tế về sự bình đẳng các điều kiện và nguồn lực phát triển như cơ sở hạ tầng (hệ thống giao thông, nguồn tín dụng, đất đai...), các loại thị trường, tự do trong các khuôn khổ của pháp luật. Công bằng giữa các thành phần kinh tế là sự ngang nhau các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận các cơ hội,

các nguồn lực, và bình đẳng trong quá trình tiến hành các hoạt động sản xuất giữa các thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế có quyền ngang nhau trong việc tiếp cận các nguồn lực khác, như vốn, đất đai, tài sản, khoa học - công nghệ hay các nguồn lực phi kinh tế như thể chế, trình độ dân trí, văn hóa, quan hệ quốc tế,... vào phát triển kinh tế - xã hội.

Việc thực hiện công bằng đối với các thành phần kinh tế tạo sẽ tạo môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh, động lực thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, góp phần ổn định chính trị - xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết mâu thuẫn xã hội một cách thỏa đáng, hợp lý thông qua phân phối lợi ích xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Mặt khác, thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế không chỉ tạo cơ hội cho các chủ thể trong xã hội tiếp cận một cách bình đẳng các nguồn lực phát triển, mà còn là cơ sở để khuyến khích nhân dân làm giàu theo pháp luật đối với các chủ thể tham gia sản xuất kinh doanh, từ đó mang lại thu nhập hợp pháp cho cá nhân và cho xã hội và đó cũng chính là xu hướng tất yếu của tiến bộ xã hội về kinh tế trong bối cảnh hiện nay.

Trong giai đoạn trước đổi mới, chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể đã được xác lập phổ biến. Việc phân phối tư liệu sản xuất được tập trung vào khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể (99,7% tài sản cố định thuộc về kinh tế xã hội chủ nghĩa), còn các thành phần kinh tế khác không được thừa nhận và dĩ nhiên là không có đầu tư phát triển. Chế độ phân phối chỉ được thực hiện theo hình thức xin - cho chứ không dựa vào hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Hậu quả của hình thức này là việc sử dụng tư liệu sản xuất không hiệu quả, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Bước vào thời kỳ đổi mới, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Xóa bỏ định kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987, tr.61). Quan điểm này, tiếp tục bổ sung và hoàn thiện qua các kỳ Đại hội phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011): “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2011, tr.73-74). Đại hội Đảng XII tiếp tục khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.20).

Thể chế hóa quan điểm trên, Điều 51 Hiến pháp (2013) đã khẳng định: “Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân.

Các chủ thể thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không quốc hữu hóa” (Quốc Hội, 2013, tr.25) được thể chế hóa thành Luật Doanh nghiệp (1999, sửa đổi bổ sung 2014), Luật Đầu tư nước ngoài (2005, sửa đổi, bổ sung năm 2014) là cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư nước ngoài hoạt động, sản xuất kinh doanh ở Việt Nam.

Như vậy, quan niệm về công bằng, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế của Đảng qua các kỳ Đại hội đã có những sự thay đổi, càng về sau càng toàn diện và hợp lý hơn. Sự thay đổi này phù hợp với quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, từ đó giải phóng lực lượng sản xuất, kích thích các thành phần kinh tế phát triển công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2.2. Thực trạng thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP. HCM

Những thành tựu chủ yếu

TP.HCM là một trung tâm lớn về kinh tế văn hóa, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu quốc tế. Trong quá trình đổi mới, Thành phố đã phát huy tiềm năng, thế mạnh vốn có, cùng với sự năng động, sáng tạo của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân thành phố đã tiên phong trong việc đề xuất, hoàn

thiện cơ sở pháp lý phát triển các thành phần kinh tế; đồng thời, tiến hành cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp huy động mọi nguồn lực sản xuất kinh doanh, thúc đẩy kinh tế phát triển năng động, từ đó tạo tiền đề giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân Thành phố, như:

Đối với thành phần kinh tế ngoài nhà nước (tập thể, tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần có vốn nhà nước và công ty cổ phần không có vốn nhà nước). Trong những năm gần đây, với chính sách cởi mở, thông thoáng, bình đẳng, thành phần kinh tế ngoài nhà nước ở TP. HCM phát triển khá nhanh và mạnh, với khoảng 171.655 doanh nghiệp đang hoạt động đã góp tích cực vào tăng GDP ở Thành phố, tăng ngân sách cũng như giải quyết một lượng lớn việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho mọi người dân đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần. Nếu năm 2000 khu vực kinh tế ngoài nhà nước đóng góp vào GDP là 37,6% và giải quyết việc làm cho 639.626 người (chiếm 40,9%), thì đến năm 2016 đóng góp 69,3% cơ cấu GDP, giải quyết việc làm cho 2.115.695 số lao động đang làm việc trên địa bàn TP. HCM (chiếm 71,58%) (Cục Thống kê TP. HCM, 2018, tr.148), tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, đào tạo nguồn nhân lực mới cho thị trường lao động. Lợi thế nổi bật của thành phần ngoài nhà nước, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân là có thể thu hút một lực lượng lao động đông đảo, đa dạng (ở mọi trình độ từ lao động thủ công đến lao động trí tuệ, ở tất cả mọi tầng lớp dân cư, ở tất cả mọi miền của đất nước) vào tất cả mọi loại hình sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra, để đứng vững trong

cạnh tranh, nhiều doanh nghiệp tư nhân tích cực đào tạo và nâng cao trình độ cho người lao động, tìm ra những biện pháp tổ chức sản xuất có hiệu quả nhất, chính điều này đã góp phần vào việc đào tạo nên đội ngũ người lao động có kỹ năng và tác phong công nghiệp. Nhiều doanh nghiệp tư nhân trong quá trình phát triển thường xuyên áp dụng các khoa học công nghệ mới hiện nay và có những chính sách thu hút lực lượng lao động có trình độ cao tham gia quản lý, sản xuất kinh doanh. Chính những điều này đã làm cho doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ, thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội ở TP.HCM trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế bền vững.

Đối với thành phần kinh tế nhà nước ở TP.HCM với tỷ trọng trong GDP giảm dần từ 43,0% GDP (2000) xuống còn 14,0% và 13,7% GDP (năm 2016). Xu hướng này phù hợp với chủ trương của cả nước trong việc cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả trong nền kinh tế. Cùng với quá trình giảm tỷ trọng trong GDP, tất yếu lực lượng lao động trong thành phần kinh tế nhà nước cũng giảm. Tính đến năm 2015 khu vực nhà nước thu hút 7,3% lực lượng lao động Thành phố (tương đương 200.783 người). Tuy số lượng thành phần kinh tế nhà nước có giảm nhưng đóng góp cho ngân sách tăng lên (từ 9,8% năm 2011 lên 10,5% năm 2015). Điều này cho thấy, thành phần kinh tế nhà nước đã phát huy vai trò và “ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2011, tr.74). Điển hình năm 2002, Thành phố đã tiên phong triển khai chương trình

binh ổn thị trường nhằm chăm lo an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn và triển khai “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thực tiễn của chương trình đã góp phần sinh động lý luận về thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội cho mọi người dân ở Việt Nam cũng như các địa phương cả nước.

Đối với thành phần kinh tế đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Với tiềm lực về vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý hiện đại,... đã và đang góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Tỷ trọng đóng góp thành phần kinh tế FDI vào GDP ngày càng tăng qua các năm (năm 2013: 16,2%; năm 2015: 16,9% và năm 2016 là 17,0%), góp phần quan trọng vào tăng trưởng và giải quyết việc làm cho 667.455 lao động (chiếm 22,58% lực lượng lao động năm) của kinh tế Thành phố (Cục Thống kê TP.HCM, 2018, tr.34). Tính đến cuối năm 2017 trên địa bàn Thành phố có 7.373 dự án đầu tư FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư kể cả cấp mới và tổng số vốn là 44, 24 tỷ USD (UBND TP.HCM, 2017, tr.8). Quan trọng hơn, khu vực FDI đã góp phần nâng cao trình độ lao động ở Thành phố thông qua chuyển giao khoa học - công nghệ tiên tiến, thu hút chuyên gia nước ngoài có trình độ cao, có kinh nghiệm trong công tác quản lý (số lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên là 12.330 người) (Thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP.HCM, 2015, tr. 238), từ đó tạo việc làm có năng suất, thu nhập cao, bảo đảm an sinh xã hội cho mọi người dân.

Bảng 1. Cơ cấu số lao động với cơ cấu khu vực kinh tế ở TP.HCM giai đoạn 2000 - 2015

Năm	Cơ cấu tổng sản phẩm theo loại hình kinh tế (%)				Cơ cấu lao động phân theo loại hình doanh nghiệp (%)			
	Tổng	DN nhà nước	DN ngoài nhà nước	DN vốn đầu tư nước ngoài	Tổng	DN nhà nước	DN ngoài nhà nước	DN vốn đầu tư nước ngoài
2000	100,0	43,0	37,6	19,4	100,0	8,62	68,49	22,89
2005	100,0	35,5	42,7	21,8	100,0	8,64	67,33	27,03
2010	100,0	23,7	52,2	24,1	100,0	7,96	68,07	23,97
2014	100,0	14,5	69,3	16,2	100,0	5,84	71,58	22,58
2015	100,0	14,0	69,1	16,9	100,0	8,62	68,49	22,89
2016	100,0	13,7	69,3	17,0	100,0	5,84	71,58	22,58

Nguồn: Niên giám Thống kê TP.HCM năm 2005; 2010; 2016, 2017

Như vậy, việc thực tiễn xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM đã góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tạo động lực để giải phóng lực lượng sản xuất phát triển, phát huy tiềm năng thế mạnh các thành phần kinh tế phát triển bền vững. Đặc biệt, đóng góp vào GDP của thành phần kinh tế ngoài nhà nước ngày càng tăng (từ 57% năm 2000 lên 86,3% năm 2016). Khu vực kinh tế ngoài nhà nước không chỉ thu hút một khối lượng vốn ngày càng lớn của toàn xã hội mà còn có đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách nhà nước, góp phần tích cực vào tăng trưởng nhanh nền kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân Thành phố. Những thành tựu trên đã được Đảng bộ Thành phố nhận định: “Doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục được sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả. Kinh tế tập thể phát triển khá. Kinh tế ngoài Nhà nước phát triển nhanh, có tỷ trọng cao nhất. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh về số lượng” (Đảng bộ TP.HCM, 2015, tr.13).

Có được những kết quả đó, trước hết hết phải kể đến những nỗ lực của các cấp ủy đảng, chính quyền Thành phố trong việc bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động được các nguồn lực của các thành phần kinh tế bình đẳng trong đầu tư sản xuất kinh doanh; khai thác và sử dụng có hiệu quả nhiều nguồn lực từ bên ngoài, tạo bước chuyển dịch về cơ cấu kinh tế của Thành phố.

Những hạn chế chủ yếu

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong quá trình thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM thì vẫn còn những hạn chế, như:

Một là, mặc dù chủ trương của Đảng và Nhà nước đã xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, giữa các thành phần kinh tế, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ tư nhân tiếp cận các nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng nhà nước, song thực tế các doanh nghiệp nhà nước vẫn có xu hướng ưu đãi hơn so với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Hai là, công tác cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn nhiều bất cập. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế chưa đồng bộ. Thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng về số lượng nhưng chiếm hơn 83% là doanh nghiệp nhỏ và vừa (Cục Thống kê TP.HCM, 2018, tr.129) (quy mô lao động dưới 5 người chiếm 60,8%; từ 5000 lao động trở lên chiếm 0,2% (Cục Thống kê TP.HCM, 2018, tr.147)) sức cạnh tranh yếu, công nghệ lạc hậu dẫn đến năng suất và chất lượng hàng hóa có giá trị gia tăng thấp. Chính vì vậy, trong tình trạng suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa là loại mô hình dễ bị tổn thương nhất. Tình trạng các doanh nghiệp nhỏ và vừa phá sản ồ ạt sẽ không tránh khỏi tác động xấu đến kinh tế - xã hội ở TP.HCM.

Ba là, doanh nghiệp FDI chưa tập trung vào những lĩnh vực công nghệ cao, chủ yếu là gia công, lắp ráp và mức độ liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước chưa thực sự hiệu quả. Một số doanh nghiệp chưa tuân thủ những quy định về pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi cho người lao động và bảo vệ môi trường ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố.

Bốn là, môi trường pháp lý đối với thành phần kinh tế ngoài nhà nước chưa hoàn thiện, nhiều quy định chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, phức tạp và chồng chéo, như thủ tục hành chính, thủ tục tiếp cận đất đai, thị trường tín dụng, cơ hội đầu tư rườm rà, bộ máy hành chính chưa hiệu quả dẫn đến hiện tượng “cò” làm dịch vụ thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; tồn tại tình trạng nhũng nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức gây chậm

trễ, khó khăn cho doanh nghiệp; còn tình trạng doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng; cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp còn hạn chế; hoạt động thanh tra, kiểm tra chồng chéo, kém hiệu quả gây thiệt hại và bức xúc không đáng có cho doanh nghiệp... đã cản trở thành phần kinh tế ngoài nhà nước phát triển.

Năm là, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền Thành phố còn nhiều hạn chế. Hiệu quả thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để phát triển thành phần kinh tế ngoài nhà nước chưa cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thành phần kinh tế ngoài nhà nước đặc biệt là hạ tầng giao thông và nguồn nhân lực chất lượng cao. Tình trạng thiếu vốn luôn là vấn đề thách thức lớn đối với thành phần kinh tế ngoài nhà nước khi không có tài sản thế chấp để vay vốn hoặc tài sản thế chấp không minh bạch, đang tranh chấp; thiếu dự án khả thi. Bởi vậy, chính quyền Thành phố cần tạo điều kiện thuận lợi để thành phần kinh tế ngoài nhà nước tiếp cận vay vốn ngân hàng, huy động vốn trên thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu doanh nghiệp và sử dụng các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý.

Sở dĩ còn những hạn chế trên là do ảnh hưởng nặng nề của nền kinh tế quản lý tập trung, bao cấp để lại, những thói quen trông chờ ỷ lại vào cấp trên, tự do, tùy tiện,... đã gây ra không ít khó khăn cho việc thực hiện công bằng, tiến bộ đối với các thành phần kinh tế. Chính sách về thuế, phí, giao đất,... chưa được khuyến khích, thúc đẩy mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh từ đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu

kinh tế nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh. Tác động của kinh tế thị trường cùng với khủng hoảng kinh tế thế giới đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, kịp thời và công tác quản lý điều hành việc thực hiện chính sách về công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế của các cơ quan thẩm quyền nhìn chung chưa chặt chẽ, kịp thời, công khai.

2.3. Một số giải pháp mang tính định hướng thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP. HCM thời gian tới

Thời gian qua TP.HCM đã thực hiện tốt công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện công bằng giữa các thành phần kinh tế, đặc biệt là thành phần kinh tế ngoài nhà nước vẫn chưa được phát triển tương xứng với tiềm năng của nó, chưa thật sự trở thành động lực của phát triển. Do đó, để phát huy hơn nữa việc thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp sau:

Thứ nhất, quán triệt, nhận thức một cách đầy đủ, sâu sắc và toàn diện việc thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế trong từng bước, từng chiến lược, từng chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung trong Đảng bộ, chính quyền và các cơ quan ban ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân Thành phố. Từ đó tạo nên sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị của Thành phố, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển.

Thứ hai, tiếp tục tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa khu

vực kinh tế tư nhân với khu vực kinh tế nhà nước theo nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Thành phố cần điều chỉnh tiền thuê đất, có chính sách giảm thuế, ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp gắn với công nghệ. Đồng thời, tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao năng lực thực thi, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm những nhiều doanh nghiệp, đặc biệt nâng cao năng lực của bộ máy tư pháp trong bảo vệ quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh,... Thực hiện công khai minh bạch các chủ trương, chính sách; chống tiêu cực, ngăn chặn các quan hệ “sân sau” thao túng chính sách để trục lợi... Tiếp tục hỗ trợ kinh tế tư nhân tiếp cận, khai thác các cơ hội trong hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường, đẩy mạnh đầu tư và thương mại quốc tế. Tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển, nâng cao năng lực từng bước tham gia sâu, vững chắc vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Thứ ba, đẩy mạnh chương trình đầu tư công nhằm cung cấp dịch vụ hạ tầng về kinh tế và xã hội. Trong điều kiện kinh tế tư nhân ở TP.HCM hiện nay, tiềm lực vốn còn mỏng, quy mô doanh nghiệp còn nhỏ, khả năng liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Trong điều kiện đó, việc cung cấp dịch vụ hạ tầng đòi hỏi cần một lượng vốn lớn, vượt khả năng của doanh nghiệp tư nhân hiện nay. Vì vậy, TP.HCM cần phải xác định vai trò là lực lượng chủ yếu trong việc tạo ra và cung cấp dịch vụ hạ tầng cho nền kinh tế. Đồng thời, TP.HCM hỗ trợ về giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức kinh doanh và năng lực quản lý... của doanh nghiệp và những người lao động trong doanh nghiệp tư nhân

Thứ tư, nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống chính trị TP.HCM. Cần xây dựng

khung pháp lý tạo điều kiện thuận lợi hơn, bình đẳng hơn cho các thành phần kinh tế ngoài nhà nước phát triển. Nâng cao năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật, chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn cho kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Tăng cường hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của chính quyền Thành phố đối với việc chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, an toàn để nền kinh tế vận hành thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, tự do sáng tạo của người dân trong phát triển kinh tế; tăng cường cơ chế đối thoại có hiệu quả giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp nhằm nắm bắt và xử lý kịp thời các vướng mắc liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân.

3. Kết luận

Ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, chuyển đổi kinh tế từ kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở TP.HCM không chỉ bảo đảm cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, mà còn tham gia vào giải quyết hàng loạt những vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực,... Hơn nữa, trong bối cảnh ngân sách Thành phố còn khó khăn thì những chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đặc biệt là thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia đầu tư là rất cần thiết, nhằm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ: “Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống nhân dân. Xây dựng TP.HCM có chất lượng cuộc sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình” (Đảng bộ TP.HCM, 2015, tr.119)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Lan Hương. (2016). *Thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh ở Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
- C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). *Toàn tập*, tập 19. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
- Quốc Hội. (2013). *Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Hà Nội: Tư pháp.
- Thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP.HCM. (2015). *Thành phố Hồ Chí Minh - 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập*. NXB. Tổng hợp TP.HCM.